

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 06 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	ITC	03/10/2025	14	918.400	330.750	2.78
2	ANV	03/10/2025	30.85	8.222.300	4.144.313	1.98
3	SGR	03/10/2025	21.55	1.024.500	516.317	1.98
4	VRE	03/10/2025	32.75	11.848.400	6.185.660	1.92
5	CTD	03/10/2025	82.5	1.398.100	762.587	1.83
6	VIC	03/10/2025	176.5	4.892.400	3.022.257	1.62
7	DCL	03/10/2025	28	858.000	587.410	1.46
8	SMC	03/10/2025	13.05	1.070.600	739.657	1.45
9	VPL	03/10/2025	80	557.600	403.040	1.38
10	DPM	03/10/2025	24.05	4.978.000	3.762.517	1.32
11	NLG	03/10/2025	37.35	4.310.000	3.406.723	1.27
12	NT2	03/10/2025	23.2	2.131.400	1.702.677	1.25
13	NAG	03/10/2025	13.4	749.500	599.223	1.25
14	CEO	03/10/2025	23.5	24.196.000	19.573.346	1.24
15	DDV	03/10/2025	30.9	1.044.900	868.287	1.2
16	PLX	03/10/2025	33.45	2.004.500	1.717.173	1.17
17	KDH	03/10/2025	31.75	6.795.900	5.995.830	1.13
18	HAG	03/10/2025	16.5	15.672.300	14.083.250	1.11
19	G36	03/10/2025	9.6	977.200	879.757	1.11
20	MWG	03/10/2025	77	9.671.700	8.765.430	01.01
21	HHV	03/10/2025	15.05	16.017.300	14.638.620	01.09
22	DIG	03/10/2025	21.5	27.402.800	25.686.880	01.07
23	IJC	03/10/2025	12.65	7.696.500	7.192.554	01.07
24	HHS	03/10/2025	17.85	6.516.800	6.267.634	01.04
25	VHM	03/10/2025	100	4.683.200	4.557.844	01.03
26	VFS	03/10/2025	17.9	2780400	2755657	01.01



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
AAA	03/10/2025	8.15	2.656.150	48.45	7.83	4.12	0.08	0.06
BID	03/10/2025	39.8	3.326.310	42.5	38.6	3.12	0.18	-0.21
CSM	03/10/2025	14.7	1.073.250	46	13.9	5.77	0.16	0.22
HSG	03/10/2025	18.5	5.845.700	35.96	17.33	4.17	0.1	-0.04
KDH	03/10/2025	31.75	5.465.090	35.82	29.75	6.72	0.38	0.18
KSB	03/10/2025	19.1	2.948.170	41.88	18.27	4.55	0.27	0.22
LSS	03/10/2025	10.55	504.160	63.43	10.1	4.44	0.1	-0.12
TDC	03/10/2025	12.4	537.820	42.77	11.86	4.53	0.03	0.31
VC3	03/10/2025	27.7	749.600	44.59	26.05	6.33	0.08	0.14
VGC	03/10/2025	53.1	824.640	33.71	49.67	6.91	0.18	0.81
VNM	03/10/2025	61.3	3.725.170	49.39	58.95	3.99	0.33	0.25
VPI	03/10/2025	56.3	1.824.090	51.76	55.48	1.49	0.37	-0.63

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ANV	30.85	30.85	3.573.310
2	ATG	8.6	9.7	299470
3	LPB	52.5	52.9	2.551.760
4	NAF	35.4	35.55	573.060
5	VIC	176.5	183	3085910

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACV	55	54.8	610.230
2	APG	11.5	11.2	336.430
3	BFC	41	39.85	124.800
4	CSV	30.5	30.4	432.830
5	DC4	11.7	11.6	541.690
6	DGC	91.5	91.2	1.188.090
7	DGW	40	39.95	1.180.070
8	DRC	16.1	16	254.070
9	DRI	11.3	11.3	300.480
10	DXS	11.6	11.4	2.544.750
11	FRT	123	122.1	388.650
12	GAS	60.1	60	496.660
13	GIL	16.3	16.3	460.120
14	GVR	26.7	26.65	1.341.430
15	IDC	37.8	37.8	1.346.170
16	LAS	17.7	17.6	216.320
17	MSH	34.2	34.2	146.150
18	NLG	37.35	37.15	3.108.720
19	NTL	18.5	18	1.108.580
20	OIL	11	10.2	745.320
21	PLX	33.45	33.3	1.243.840
22	PTB	46.85	46.3	143.550
23	PVS	31.5	31.4	2.699.400
24	SGR	21.55	21.55	723.020
25	SIP	53.9	53.8	351.070
26	SSB	19	19	2.964.340
27	SZC	33	33	873.210

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA50

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	PET	30.75	30.61	998.450



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BSI	45	45.25	576.410
2	PVD	20.8	21.11	4.612.250
3	PVS	31.5	32.35	2699400
4	YEG	13.7	13.9	3.269.810

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	SHB	16.7	17.06	89.879.720
2	HPG	27.65	27.84	40.498.328
3	CEO	23.5	24.58	21825490
4	PDR	21.6	22.95	20.843.620
5	SHS	24.3	24.87	18.788.830
6	HDB	30.2	30.3	13.185.730
7	ACB	25.65	25.71	10.555.080
8	TCH	21.4	21.57	8.961.340
9	HDG	30	30.48	6463740
10	LCG	11.9	12.03	5238070
11	MSN	80	80.99	5165130
12	ORS	13.4	13.64	2359410

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ASM	8.51	8.6	2.327.350
2	BII	0.7	0.79	663.480
3	CTI	24.9	25.49	768530
4	DDV	30.9	31.32	599.080
5	DTD	21	21.22	789.370
7	GEG	15.85	16.03	812640
8	GEX	52.5	53.72	7212130
9	HDB	30.2	30.74	13185730
10	HHV	15.05	15.04	17831320
11	MBB	26.55	26.63	19381380
12	MBS	32.7	32.76	5095030
13	TCH	21.4	21.66	8961340
14	VIX	35.5	36.15	24695250

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	OCB	03/10/2025	12.9	12.55	13.2	5.2	2.520.900
2	NAB	03/10/2025	14.9	14.65	15.5	5.8	1.610.180
3	SSB	03/10/2025	19	19	20.15	6.1	2.484.740
4	VAB	03/10/2025	11.55	11.55	12.3	6.5	425.540
5	QTP	03/10/2025	13.1	13	13.9	6.9	113.100
6	VEA	03/10/2025	39.4	37.9	40.6	7.1	338.680
7	VTZ	03/10/2025	18.3	18.1	19.4	7.2	1.542.980
8	BAF	03/10/2025	34.45	33.55	36	7.3	2.502.240
9	ABB	03/10/2025	12.4	11.9	12.8	7.6	2.393.940
10	MSB	03/10/2025	13.1	13	14.05	8.1	7.430.940
11	PPT	03/10/2025	13.4	13.2	14.5	9.8	150.360
12	PNJ	03/10/2025	83	80.69	89.05	10.4	326.900
13	SAB	03/10/2025	45.55	45.15	50	10.7	514.040
14	TTA	03/10/2025	12.4	12.1	13.4	10.7	451.120
15	PPC	03/10/2025	10.65	10.6	11.75	10.8	282.260
16	PVT	03/10/2025	17.75	17.65	19.6	11	3.176.160
17	REE	03/10/2025	64.5	63.9	71.2	11.4	454.440
18	BWE	03/10/2025	48.85	46.5	51.9	11.6	115.760
19	GAS	03/10/2025	60.1	60	67.35	12.2	433.040
20	SCS	03/10/2025	60.3	58.8	66.3	12.8	316.080
21	VC3	03/10/2025	27.7	25.74	29.1	13.1	785800
22	CTF	03/10/2025	20.6	20.1	22.75	13.2	348960
23	VCS	03/10/2025	48.1	47.9	54.5	13.8	105400
24	BCM	03/10/2025	66.4	64	73	14.1	161220
25	VGT	03/10/2025	12	11.9	13.6	14.3	450100
26	DPR	03/10/2025	36.65	36.1	41.32	14.5	345920
27	VNM	03/10/2025	61.3	57.7	66.2	14.7	4016840
28	DRC	03/10/2025	16.1	16	18.35	14.7	256260
29	LHG	03/10/2025	30.35	30.35	34.9	15	92600



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009